PHỤ LỤC
TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ
LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TUYẾN DÂN CƯ CẶP ĐƯỜNG TỈNH 819 XÃ VĨNH LỢI, TỶ LỆ 1/500
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ VĨNH LỢI, HUYỆN TÂN HƯNG, LONG AN

(Đính kèm Tờ trình số: 412/TTr-KT&HT ngày 08/7/2024 của Phòng KT&HT)

	Nội dung - chi phí công việc	ĐVT	Khối lượng	Hệ số (%)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	**Chi phí lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch**	**ha**	**6,04526**	**50**	**20.980.000**	**11.329.000**	
1	Chi phí lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	ha	6,04526	50	20.980.000	10.490.000	Bảng 10, Thông tư 20/2019/TT-BXD
2	Thuế giá trị gia tăng	%	8		10.490.000	839.000	
3	Chi phí lập nhiệm điều chỉnh quy hoạch sau thuế					11.329.000	
B	**Chi phí tư vấn lập đồ án điều chỉnh quy hoạch**	**ha**	**6,04526**	**50**	**162.306.000**	**80.352.000**	0
1	Chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch	ha	6,04526	50	148.800.000	74.400.000	Bảng 10, Thông tư 20/2019/TT-BXD
2	Thuế giá trị gia tăng	%	8		74.400.000	5.952.000	
3	Chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch sau thuế					80.352.000	
C	**Chi phí khác**					**29.135.000**	
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	%	20		10.490.000	2.098.000	Khoản 3, Điều 6, Thông tư 20/2019/TT-BXD
2	Chi phí thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch	%	12,3		74.400.000	9.151.000	Bảng 11, Thông tư 20/2019/TT-BXD
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ quy hoạch	%	10,6		74.400.000	7.886.000	Bảng 11, Thông tư 20/2019/TT-BXD
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư	%	2		74.400.000	5.000.000	Khoản 4, Điều 7, Thông tư 20/2019/TT-BXD
5	Chi phí công bố quy hoạch	%	3		74.400.000	5.000.000	Khoản 5, Điều 7, Thông tư 20/2019/TT-BXD
Tổng cộng (A + B + C)						**120.816.000**	
(Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu, tám trăm mười sáu ngàn đồng)							